TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 6 - LÀO CAI**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 19/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 13 - 8 - 2025
V/v: "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - LÀO CAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Nguyễn Thị Hằng và ông Nguyễn Kim Minh

***- Thư ký phiên toà*:** Ông Phan Hồng Quân - Thư ký Toà án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai.

Ngày 13/8/2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 87/2025/TLST-HNGĐ ngày 10/6/2025 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 29/7/2025 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Trần Thị T, sinh năm 1992

Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai

(Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai). Có mặt.

Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Phạm Thị Hoa H - Trợ giúp viên Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh L. Có mặt.

Bị đơn: Anh Trương Văn C, sinh năm 1993

Địa chỉ: Thôn L, xã B, tỉnh Lào Cai

(Địa chỉ trước khi sáp nhập: Thôn L, xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai). Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện nộp ngày 07/5/2025, bản tự khai và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Trần Thị T trình bày:

Chị và anh Trương Văn C kết hôn tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã S, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 07/9/2011. Sau khi kết hôn vợ chồng chị chung sống hạnh phúc được một thời gian đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do anh chị bất đồng quan điểm trong cuộc sống hàng ngày, anh C thường xuyên đi chơi không chịu khó làm ăn và vợ chồng thường cãi vã nhau. Năm 2023 chị đã nộp đơn ly hôn anh C, sau đó đã rút đơn về đoàn tụ nhưng không khắc phục được nên vợ chồng đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay. Bản thân chị không còn tình cảm vợ chồng không còn, chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị ly hôn anh Trương Văn C. Về con chung, trong thời gian chung sống chị và anh C có ba

con chung là cháu Trương Văn M sinh ngày 15/01/2011, cháu Trương Thị H1 sinh ngày 15/12/2012 và Trương Anh V sinh ngày 02/8/2018. Cháu M bị bệnh tan máu bẩm sinh và được hưởng chế độ dành cho người khuyết tật, cháu H1 và cháu V phát triển bình thường. Khi ly hôn chị đề nghị Toà án giải quyết cho chị trực tiếp nuôi cháu Trương Văn M và Trương Thị H1, để anh C nuôi cháu Trương Anh V, không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Về tài sản chung, chị sẽ tự thoả thuận chia với anh C không yêu cầu Toà án giải quyết. Về nợ chung, hiện anh chị đang nợ Ngân hàng C1 phòng giao dịch Bảo Thắng số tiền 120.000.000đ chưa đến hạn trả nợ nên chị không yêu cầu Toà án giải quyết.

Đối với bị đơn, anh Trương Văn C đã được tống đạt hợp lệ thông báo về việc thụ lý vụ án, hết thời hạn thông báo anh không có văn bản trả lời đối với yêu cầu khởi kiện của chị T. Anh cũng không có mặt theo triệu tập, vắng mặt tại phiên họp công khai chứng cứ và hoà giải. Tại phiên toà hôm nay anh C trình bày ý kiến không đồng ý ly hôn, trường hợp chị T cương quyết ly hôn thì anh đồng ý với yêu cầu giải quyết con chung của chị. Hiện nay anh và chị T còn nợ Ngân hàng nên anh yêu cầu giải quyết chia nợ chung.

Về việc cung cấp tài liệu, chứng cứ, nguyên đơn đã cung cấp các tài liệu chứng cứ theo yêu cầu của Toà án, bị đơn không cung cấp tài liệu, chứng cứ gì. Toà án đã hỏi ý kiến ba con chung của anh chị, cháu M và cháu H1 có nguyện vọng muốn ở với mẹ, cháu V ở với ai cũng được. Toà án đã thông báo cho Ngân hàng C1 về việc chị T và anh C xin ly hôn, tuy nhiên Ngân hàng C1 không có văn bản trả lời ý kiến. Tại phiên toà hôm nay người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của nguyên đơn đề nghị Toà án chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của chị Trần Thị T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về áp dụng pháp luật tố tụng: Chị Trần Thị T có đơn yêu cầu giải quyết vụ án "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn" với anh Trương Văn C. Căn cứ vào Điều 28, 35, 39 Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai, nay là Toà án nhân dân Khu vực 6 - Lào Cai.

[2]. Về quan hệ hôn nhân: Căn cứ các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thì chị Trần Thị T và anh Trương Văn C có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân S, huyện B, tỉnh Lào Cai (nay là UBND xã B, tỉnh Lào Cai) ngày 07/9/2011, hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong quá trình giải quyết vụ án chị T cho rằng cuộc sống chung không hạnh phúc do vợ chồng thường xuyên bất đồng quan điểm cãi vã nhau và đã sống ly thân nhau từ cuối năm 2023 đến nay. Chị đã cung cấp được xác nhận về việc hai vợ chồng có mâu thuẫn, bản thân anh C cũng thừa nhận anh chị đã sống ly thân là đúng sự thật. Như vậy có thể nhận thấy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, căn cứ khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị T, xử cho chị T ly hôn anh C là phù hợp.

[3]. Về con chung: Chị T và anh C có ba con chung là cháu Trương Văn M sinh ngày 15/01/2011, cháu Trương Thị H1 sinh ngày 15/12/2012 và Trương Anh V sinh ngày 02/8/2018. Đến nay chị T có nguyện vọng muốn trực tiếp nuôi cháu M và cháu H1, để anh Chính trực T1 nuôi cháu V. Xét thấy chị T và anh C đều là lao động tự do có thu nhập nên có đủ khả năng và điều kiện nuôi dưỡng các con chung như nhau. Cháu M và cháu H1 đều có nguyện vọng muốn ở với chị T, cháu V nguyện vọng ở với ai cũng được. Để đảm bảo cho anh chị đều được thực hiện các quyền và nghĩa vụ của cha mẹ đối với con, đảm bảo cho các cháu được ổn định cuộc sống thì Hội đồng xét xử cần chấp nhận yêu cầu của chị T, giao cháu M và cháu H1 cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng và giao cháu V cho anh Chính trực T1 nuôi dưỡng là phù hợp. Đối với cháu M hiện bị bệnh tan máu bẩm sinh, cháu vẫn tự sinh hoạt cá nhân và đi học bình thường nhưng sức khoẻ yếu, ngoài ra cháu được xác nhận là khuyết tất mức độ nặng nên vẫn cần có sự hỗ trợ trong cuộc sống hàng ngày. Vì vậy cần giao cháu M cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Về nghĩa vụ cấp dưỡng, chị T không yêu cầu nên không bên nào phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

[4]. Về tài sản chung và công nợ chung: Các đương sự không ai đề nghị giải quyết về tài sản chung nên Hội đồng xét xử không xem xét. Theo anh chị trình bày thì anh chị còn nợ Ngân hàng C1, phòng G số tiền 120.000.000đ chưa đến hạn trả nợ. Tại phiên toà hôm nay chị T không yêu cầu Toà án giải quyết, anh C đề nghị chia công nợ chung, xét thấy yêu cầu của anh C phát sinh sau thời điểm có quyết định đưa vụ án ra xét xử, mặt khác Toà án đã có văn bản thông báo cho Ngân hàng nhưng hết thời hạn được thông báo Ngân hàng không có ý kiến trả lời. Do đó Hội đồng xét xử không xem xét chia nợ chung của anh chị trong vụ án này, trường hợp đương sự có tranh chấp thì được quyền khởi kiện yêu cầu giải quyết trong vụ việc khác.

[5]. Về án phí: Chị T phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 56, Điều 57, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình;

Căn cứ khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu phí, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1/ Xử cho chị Trần Thị Thu ly H2 anh Trương Văn C.

Quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh C chấm dứt kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật.

2/ Về con chung: Giao cháu Trương Văn M sinh ngày 15/01/2011 cho chị Trần Thị T trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình. Giao cháu Trương Thị H1 sinh ngày 15/12/2012 cho chị Trần Thị T trực

tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Giao cháu Trương Anh V sinh ngày 02/8/2018 cho anh Trương Văn C trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi cháu trưởng thành đủ 18 tuổi.

Không ai phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, anh C và chị T có quyền, nghĩa vụ thăm nom chăm sóc con chung mà không ai được cản trở.

3/ Về án phí: Chị Trần Thị T phải chịu 300.000đ tiền án phí ly hôn, khấu trừ vào số tiền 300.000đ tạm ứng án phí chị đã nộp theo giấy thu tiền tạm ứng án phí ngày 10/6/2025 và biên lai số 0002608 ngày 16/6/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Bảo Thắng, tỉnh Lào Cai (nay là Phòng thi hành án dân sự Khu vực 6 – Lào Cai), chị đã nộp đủ án phí.

Nguyên đơn, bị đơn có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a và Điều 9 Luật thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh LC;
- VKSND KV6;
- UBND xã Bảo Thắng;
- Đương sự;
- THADS tỉnh LC;
- Lưu HS, VP.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - chủ tọa phiên tòa
(đã ký)

Hoàng Thị Giang Thanh

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà

Hoàng Thị Giang Thanh